

ĐIỀU 1: GIẢI THÍCH TỪ NGỮ

Trong thỏa thuận này, các từ ngữ được hiểu như sau:

- 1.1 Ngân hàng (NH): Là Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bưu Điện Liên Việt.
- 1.2 Khách hàng (KH): Là cá nhân hoặc tổ chức đăng ký phát hành sử dụng thẻ ghi nợ do NH phát hành và được NH chấp thuận cung ứng dịch vụ thẻ ghi nợ bằng việc ký kết Đề nghị kiêm hợp đồng mở tài khoản và sử dụng dịch vụ tài khoản.
- 1.3 Hợp đồng: Là điều khoản về mở, sử dụng và thanh toán thẻ ghi nợ.
- 1.4 Các Ngân hàng trong liên minh: Là các Ngân hàng thuộc liên minh thẻ, Tổ chức chuyển mạch tài chính hoặc Tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán mà NH là thành viên chính thức hoặc có kết nối với NH thông qua các liên minh thẻ/Tổ chức chuyển mạch/Tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán.
- 1.5 Tài khoản (TK): Là Tài khoản tiền gửi thanh toán của Khách hàng mở tại NH phục vụ mục đích sử dụng thẻ hoặc các dịch vụ thanh toán khác.
- 1.6 Thẻ: Là thẻ ghi nợ nội địa và thẻ ghi nợ quốc tế do NH phát hành trên cơ sở TK tiền gửi thanh toán của Khách hàng mở tại NH, được sử dụng để rút tiền mặt và thực hiện một số dịch vụ khác tại các máy ATM và thanh toán hàng hóa dịch vụ tại các điểm chấp nhận thẻ (ĐVCNT).
- 1.7 Chủ thẻ: Là cá nhân hoặc tổ chức được NH cung cấp thẻ để sử dụng, bao gồm chủ thẻ chính và chủ thẻ phụ.
- 1.8 Chủ thẻ chính: Là cá nhân hoặc tổ chức đứng tên thỏa thuận về việc sử dụng thẻ với NH và có nghĩa vụ thực hiện thỏa thuận đó. Chủ thẻ chính chịu trách nhiệm thanh toán toàn bộ các khoản chi tiêu, phí phát sinh, tất cả trách nhiệm liên quan đến sử dụng thẻ của người sử dụng thẻ chính và các chủ thẻ phụ. (Đối với thẻ phát hành cho tổ chức thì người sử dụng thẻ chính là chủ tài khoản tiền gửi thanh toán được sử dụng để phát hành thẻ của tổ chức).
- 1.9 Chủ thẻ phụ: Là cá nhân được chủ thẻ chính cho phép sử dụng thẻ theo thỏa thuận về việc sử dụng thẻ giữa chủ thẻ chính và tổ chức phát hành thẻ. Chủ thẻ phụ chịu trách nhiệm về việc sử dụng thẻ với chủ thẻ chính.
- 1.10 Tổ chức phát hành thẻ (viết tắt là TCPHT): Là tổ chức tín dụng, chi nhánh Ngân hàng nước ngoài được thực hiện phát hành thẻ theo quy định của Ngân hàng nhà nước.
- 1.11 Tổ chức thanh toán thẻ (viết tắt là TCTTT): Là tổ chức tín dụng, chi nhánh Ngân hàng nước ngoài được thực hiện thanh toán thẻ theo quy định của Ngân hàng nhà nước.
- 1.12 Đơn vị chấp nhận thẻ (ĐVCNT): Là tổ chức hoặc cá nhân chấp nhận thanh toán hàng hóa, dịch vụ bằng thẻ theo thỏa thuận bằng văn bản với NH hoặc các Ngân hàng trong liên minh.
- 1.13 Giao dịch thẻ: Là giao dịch sử dụng thẻ để rút tiền, thanh toán tiền hàng hóa dịch vụ hoặc sử dụng các dịch vụ được phép khác do NH và các Ngân hàng trong liên minh cung ứng.
- 1.14 Máy ATM (ATM): Là máy rút tiền tự động của NH hoặc các Ngân hàng trong liên minh mà chủ thẻ có thể rút tiền, chuyển khoản, tra cứu thông tin giao dịch hoặc thực hiện một số dịch vụ khác.
- 1.15 Mã số PIN (PIN): Là mã số được NH cung cấp cho chủ thẻ để sử dụng cho các giao dịch thẻ. PIN được coi là chữ ký điện tử trong các giao dịch thẻ.
- 1.16 Giao dịch đáng ngờ: là các giao dịch hoặc hành vi có dấu hiệu bất thường hoặc có cơ sở hợp lý để nghi ngờ tài sản trong giao dịch có nguồn gốc từ hoạt động tội phạm hoặc liên quan đến rửa tiền dù đã hoàn thành, chưa hoàn thành hoặc mới có ý định được thực hiện bởi khách hàng hoặc các bên liên quan đến khách hàng. Khái niệm giao dịch bao gồm cả yêu cầu mở tài khoản, thiết lập quan hệ đối tác hoặc ký kết hợp đồng với Ngân hàng.

ĐIỀU 2: SẢN PHẨM THẺ GHI NỢ VÀ PHẠM VI ÁP DỤNG

- 2.1 Thẻ ghi nợ và thời hạn hiệu lực thẻ:

- a. Thẻ ghi nợ: Là thẻ cho phép chủ thẻ thực hiện giao dịch thẻ trong phạm vi số tiền và hạn mức thấu chi (nếu có) trên tài khoản thanh toán của chủ thẻ mở tại tổ chức phát hành thẻ (riêng đối với thẻ phát hành trên Tài khoản thấu chi, KH không được rút tiền từ hạn mức thấu chi, chỉ rút khi Tài khoản có số dư).
- b. Thời hạn hiệu lực thẻ: Là thời hạn khách hàng được phép sử dụng thẻ. Thời hạn hiệu lực được in trên thẻ. Trong trường hợp tài khoản bị đóng thì thẻ không còn hiệu lực sử dụng.

2.2 Phạm vi sử dụng thẻ:

- a. Thẻ ghi nợ nội địa: Được sử dụng để thanh toán tiền hàng hoá, dịch vụ tại ĐVCNT, gửi, nạp, rút tiền mặt và sử dụng các dịch vụ khác theo thoả thuận với TCPHT trên lãnh thổ Việt Nam.
- b. Thẻ ghi nợ quốc tế: Được sử dụng để thanh toán tiền hàng hoá, dịch vụ tại ĐVCNT, gửi, nạp, rút tiền mặt và sử dụng các dịch vụ khác bằng đồng Việt Nam trên lãnh thổ Việt Nam bằng đồng Việt Nam, hoặc ngoại tệ tự do chuyển đổi và các đồng tiền khác được TCTTT chấp nhận làm đồng tiền thanh toán ngoài lãnh thổ Việt Nam.
- c. Thẻ phụ phát hành cho chủ thẻ phụ dưới 15 tuổi không được rút tiền mặt và chỉ được sử dụng để thanh toán đúng mục đích đã xác định theo thoả thuận bằng văn bản giữa NH và chủ thẻ chính.

ĐIỀU 3: CÁC QUY ĐỊNH CỤ THỂ

3.1 Đồng tiền thanh toán:

- a. Trên lãnh thổ Việt Nam:
 - Giao dịch rút tiền mặt bằng thẻ phải được thực hiện bằng đồng Việt Nam.
 - Đối với các giao dịch thẻ khác:
 - Đồng tiền giao dịch là đồng Việt Nam. Trường hợp được sử dụng ngoại hối để giao dịch theo quy định pháp luật về quản lý ngoại hối thì đồng tiền thể hiện trong giao dịch là đồng Việt Nam hoặc đồng Việt Nam và ngoại tệ.
 - Đồng tiền thanh toán là đồng Việt Nam. Các ĐVCNT chỉ được nhận thanh toán bằng đồng Việt Nam từ TCTTT.
 - Trường hợp cần quy đổi từ ngoại tệ ra đồng Việt Nam, tỷ giá giữa đồng Việt Nam và ngoại tệ theo tỷ giá do các bên thoả thuận phù hợp với quy định của Ngân hàng Nhà nước.
- b. Ngoài lãnh thổ Việt Nam:

Khi thực hiện giao dịch thẻ ngoài lãnh thổ Việt Nam, chủ thẻ phải thực hiện thanh toán cho NH bằng đồng Việt Nam theo tỷ giá do các bên thoả thuận phù hợp với quy định của Ngân hàng Nhà nước.

3.2 Phí, lãi: Các loại phí sẽ do NH quy định trong từng thời kỳ. Chủ thẻ được hưởng lãi suất tùy thuộc chính sách của NH trong từng thời kỳ cho số dư “Có” trên TK sử dụng thẻ.

3.3 Hạn mức giao dịch: Các loại hạn mức giao dịch sẽ do NH quy định trong từng thời kỳ. Hạn mức sử dụng thẻ được công bố trên website của NH tại www.lienvietpostbank.com.vn

3.4 Các hành vi bị cấm:

- a. Làm, sử dụng, chuyển nhượng và lưu hành thẻ giả.
- b. Thực hiện, tổ chức thực hiện hoặc tạo điều kiện để người khác thực hiện các hành vi giao dịch thẻ gian lận, giả mạo; giao dịch thanh toán không tại ĐVCNT (không phát sinh việc mua bán hàng hóa và cung ứng dịch vụ).
- c. ĐVCNT thu phụ phí hoặc phân biệt giá khi chủ thẻ thanh toán tiền hàng hóa, dịch vụ bằng thẻ.
- d. Lấy cắp, thông đồng để lấy cắp thông tin thẻ; tiết lộ và cung cấp thông tin thẻ, chủ thẻ và giao dịch thẻ không đúng quy định của pháp luật.
- e. Xuyên nhập hoặc tìm cách xuyên nhập trái phép, phá hủy chương trình hoặc cơ sở dữ liệu của hệ thống phát hành, thanh toán thẻ, chuyển mạch thẻ, bù trừ điện tử giao dịch thẻ.
- f. Sử dụng thẻ để thực hiện các giao dịch cho các mục đích rửa tiền, tài trợ khủng bố, lừa đảo, gian lận và các hành vi vi phạm pháp luật khác.
- g. ĐVCNT chuyển thiết bị chấp nhận thẻ, QR Code cho bên khác sử dụng; chấp nhận thanh toán thẻ mà không có hợp đồng thanh toán thẻ; sử dụng trái phép các thiết bị chấp nhận thẻ, QR Code của TCTTT ở Việt Nam hoặc của TCTTT ở nước ngoài.
- h. Mua, bán, thuê, cho thuê thẻ hoặc thông tin thẻ, mở hộ thẻ.

3.5 Thu giữ thẻ hoặc hủy hiệu lực của thẻ:

Thẻ bị thu giữ hoặc hủy hiệu lực trong các trường hợp sau:

- a. Thẻ giả.
- b. Thẻ sử dụng trái phép.
- c. Phục vụ công tác điều tra, xử lý tội phạm theo quy định của pháp luật.
- d. Các trường hợp thu giữ thẻ khác (nếu có) tại Quy định sản phẩm thẻ của NH và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn chi tiết trong từng thời kỳ, của Ngân hàng Nhà nước, TCTTT hoặc các thỏa thuận bằng văn bản khác giữa KH với NH.

3.6 Tạm khóa thẻ:

Thẻ bị tạm khóa trong các trường hợp sau:

- a. KH có thông báo với ngân hàng về việc tạm khóa thẻ trong thời gian nhất định bằng một trong các hình thức liên lạc (Tổng đài CSKH, email, văn bản). Thẻ bị tạm khóa theo yêu cầu của KH sẽ chỉ được mở lại sau thời hạn tạm khóa trong thông báo của KH hoặc theo yêu cầu của KH tùy từng thời điểm và được NH chấp thuận.
- b. NH phát hiện các giao dịch nghi ngờ, giả mạo, gian lận, sẽ chủ động tạm khóa thẻ và liên lạc thông báo cho KH ngay trong ngày.
- c. KH nhập sai mã PIN 03 lần khi thực hiện giao dịch.
- d. Trong thời hạn 01 năm thẻ của KH không phát sinh bất kỳ giao dịch nào.

3.7 Hủy thẻ:

Trường hợp quá thời gian 45 ngày kể từ ngày phát hành Khách hàng không đến nhận thẻ, ĐVKD tiến hành hủy thẻ vĩnh viễn.

3.8 Từ chối thanh toán thẻ:

Thẻ do NH phát hành bị từ chối thực hiện giao dịch thanh toán trong các trường hợp sau đây:

- a. Sử dụng thẻ để thực hiện các giao dịch thẻ bị cấm theo khoản 3.4 tại Điều này và theo Ngân hàng Nhà nước.
- b. Thẻ giả hoặc có liên quan đến giao dịch giả mạo.
- c. Thẻ đã được chủ thẻ thông báo bị mất cắp, thất lạc.
- d. Thẻ hết hạn sử dụng.
- e. Thẻ bị khóa.
- f. Thẻ bị chấm dứt sử dụng theo quy định tại Quy định phát hành, thanh toán và sử dụng thẻ ngân hàng tại NH và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn chi tiết trong từng thời kỳ.
- g. Số dư tài khoản thanh toán, hạn mức tín dụng hoặc hạn mức thấu chi còn lại (nếu có) không đủ chi trả khoản thanh toán.
- h. Chủ thẻ không thanh toán đầy đủ các khoản thấu chi, các khoản tín dụng, lãi hoặc phí được niêm yết tại quầy giao dịch hoặc công bố công khai trên website của LienVietPostBank.
- i. Chủ thẻ vi phạm quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, các quy định của NH, TCTTT hoặc các thỏa thuận giữa chủ thẻ với NH.

3.9 Quy định về tra soát, khiếu nại:

- a. Trong vòng 60 ngày kể từ ngày KH nhận được thông báo giao dịch hoặc kể từ ngày quyền và lợi ích của KH bị vi phạm, KH có trách nhiệm gửi cho NH yêu cầu tra soát, khiếu nại (nếu có) theo một trong các phương thức sau: qua tổng đài điện thoại (có ghi âm, hoạt động 24/24 giờ trong ngày, 7/7 ngày trong tuần) hoặc bằng văn bản tại các điểm giao dịch của NH.
- b. Trường hợp KH gửi yêu cầu tra soát, khiếu nại qua tổng đài điện thoại, KH có trách nhiệm bổ sung giấy đề nghị tra soát, khiếu nại theo mẫu của NH trong thời hạn 03 ngày làm việc để làm căn cứ chính thức để xử lý đề nghị tra soát, khiếu nại. Trừ trường hợp NH có lỗi, KH phải chịu trách nhiệm về mọi rủi ro phát sinh (nếu có) do KH khiếu nại quá thời hạn trên. KH phải chịu phí khiếu nại theo quy định của NH theo từng thời kỳ.
- c. KH đồng ý các yêu cầu về tra soát khiếu nại với dịch vụ thẻ, KH có trách nhiệm thực hiện trong vòng 60 ngày kể từ ngày phát sinh giao dịch yêu cầu tra soát. Quá thời hạn trên, NH vẫn tiếp tục hỗ trợ giải quyết tra soát khiếu nại nhưng kết quả tra soát khiếu nại sẽ phụ thuộc vào thiện chí của các đối tác khác có liên quan và KH sẽ phải chịu hoàn toàn thiệt hại phát sinh do lỗi khiếu nại chậm của KH.

- d. NH có trách nhiệm trả lời tra soát khiếu nại giao dịch khác của KH trong vòng tối đa 60 ngày làm việc và/hoặc theo quy định của các tổ chức thẻ trong và ngoài nước kể từ ngày NH nhận được yêu cầu tra soát khiếu nại hợp lệ của KH về việc sử dụng dịch vụ Thẻ.

ĐIỀU 4: QUYỀN VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA CHỦ THẺ

4.1 Quyền của Chủ thẻ:

- a. Sử dụng thẻ để thực hiện các giao dịch trên máy ATM và tại các ĐVCNT của NH và các Ngân hàng trong liên minh trong phạm vi lãnh thổ Việt Nam.
- b. Hưởng lãi tùy thuộc chính sách của NH trong từng thời kỳ trên số dư Có của TK tương ứng với loại TK đang sử dụng thẻ.
- c. Được quyền yêu cầu tra soát khiếu nại về các sai sót, vi phạm (nếu có) phát sinh trong quá trình sử dụng dịch vụ theo Hợp đồng này.
- d. Yêu cầu trợ giúp trong quá trình sử dụng thẻ: Khóa thẻ, mở khóa thẻ, cấp lại PIN, phát hành lại thẻ...
- e. Hưởng các chương trình ưu đãi của NH dành cho chủ thẻ.
- f. Sử dụng các dịch vụ bảo hiểm dành cho chủ thẻ của NH (nếu có).
- g. Chấm dứt sử dụng thẻ khi không có nhu cầu sử dụng theo quy định của NH.

4.2 Trách nhiệm của Chủ thẻ:

- a. Cung cấp đầy đủ, chính xác các thông tin theo yêu cầu của NH khi phát hành thẻ và trong suốt quá trình sử dụng thẻ.
- b. Trực tiếp đến NH nhận thẻ, PIN hoặc ủy quyền cho người khác đến nhận thay. Giấy ủy quyền phải lập bằng văn bản tại NH hoặc phải được công chứng, chứng thực.
- c. Chủ thẻ chính, chủ thẻ phụ cùng chịu trách nhiệm chung và mỗi người chịu trách nhiệm riêng trong việc thực hiện các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ trong Điều kiện điều khoản sử dụng thẻ giữa KH và NH. Chủ thẻ chính chịu trách nhiệm với NH về việc sử dụng thẻ của chủ thẻ phụ, có trách nhiệm thanh toán cho NH tất cả các giao dịch thẻ có chữ ký của chủ thẻ chính và chủ thẻ phụ trên hóa đơn cũng như có sử dụng PIN. Trường hợp chủ thẻ chính chết/bị tuyên bố là đã chết, mất tích, hoặc mất năng lực hành vi thì việc thanh toán cho NH và việc thừa hưởng số dư trên TK của chủ thẻ chính hoặc số tiền còn lại trên thẻ được thực hiện theo quy định của pháp luật.
- d. Nhận thẻ trong vòng 45 ngày kể từ ngày phát hành. Sau thời hạn này, NH có quyền hủy thẻ và chủ thẻ phải chịu phí phát hành thẻ.
- e. Không sử dụng thẻ phục vụ cho hành vi rửa tiền/tài trợ khủng bố/tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt và các hành vi vi phạm pháp luật khác. Hoàn toàn chịu trách nhiệm và các tổn thất phát sinh (nếu có) nếu vi phạm các nội dung này.
- f. Ký chữ ký mẫu vào ô chữ ký ở mặt sau thẻ ngay sau khi nhận thẻ. Khi sử dụng thẻ để thanh toán hàng hóa, dịch vụ tại ĐVCNT, chủ thẻ phải ký hóa đơn giao dịch giống chữ ký này.
- g. Không chuyển nhượng hoặc cho người khác sử dụng thẻ, không để lộ số PIN cho bất kỳ ai.
- h. Khi phát hiện mất thẻ hoặc lộ số PIN, chủ thẻ phải báo ngay cho NH và phải chính thức xác nhận lại bằng hình thức do NH yêu cầu. Chủ thẻ phải chịu trách nhiệm đối với các tổn thất xảy ra trước thời điểm NH xác nhận đã xử lý xong yêu cầu của chủ thẻ.
- i. Hoàn trả vô điều kiện các khoản ghi "Có" nhằm vào TK.
- j. Công nhận và chịu trách nhiệm với mọi giao dịch thẻ và chứng từ liên quan bao gồm cả chứng từ điện tử do hệ thống của NH hoặc các Ngân hàng trong liên minh cung cấp.
- k. Tuân thủ các quy định của pháp luật, các quy định đã nêu tại hợp đồng phát hành, các quy định khác theo từng thời kỳ mà NH đã thông báo trên trang thông tin điện tử chính thức của LienVietPostBank.
- l. Chủ thẻ chính chịu trách nhiệm hoàn toàn về việc sử dụng thẻ của các thẻ phụ.
- m. Chịu trách nhiệm với các giao dịch thực hiện trên thẻ thông qua các ứng dụng công nghệ/giao dịch trên môi trường internet.
- n. Chịu trách nhiệm bảo mật thông tin thẻ, bảo quản thẻ, giữ bí mật PIN. KH không được chuyển nhượng thẻ hoặc đưa thẻ cho người khác sử dụng, không được tiết lộ PIN cho bất kỳ ai và hoàn toàn chịu trách nhiệm trong trường hợp làm lộ thông tin thẻ...

- o. Công nhận các hóa đơn, chứng từ liên quan đến giao dịch thẻ đã được hệ thống NH ghi nhận và cung cấp. KH chịu trách nhiệm thanh toán đối với toàn bộ các giao dịch có chữ ký và hoặc sử dụng PIN của thẻ, và các giao dịch khác nếu NH cung cấp được bằng chứng về việc thẻ được thực hiện giao dịch mà không cần chữ ký của KH.
- p. KH chịu trách nhiệm thanh toán số tiền giao dịch thẻ tranh chấp và các khoản phí liên quan đến các giao dịch bị tra soát, khiếu nại do lỗi của KH hoặc theo quy định của tổ chức thẻ khi tranh chấp được đưa ra hội đồng hòa giải/ trọng tài của tổ chức thẻ và hội đồng hòa giải/ trọng tài của tổ chức thẻ xử/ phán quyết KH thua kiện trên cơ sở xác nhận của KH tại các bước xử lý nghiệp vụ tra soát.
- q. Trong trường hợp KH đơn phương chấm dứt sử dụng thẻ hoặc bị NH yêu cầu chấm dứt sử dụng thẻ, thẻ sẽ không còn giá trị sử dụng.
- r. KH chịu trách nhiệm giải quyết các mâu thuẫn với ĐVCNT về các vấn đề liên quan đến hàng hóa, dịch vụ khi thanh toán thẻ.

ĐIỀU 5: QUYỀN VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA NGÂN HÀNG

5.1 Quyền của Ngân hàng

- a. Ghi nợ TK của chủ thẻ các khoản phí, các khoản thanh toán, rút tiền và các khoản được ghi “Có” không chính xác mà không cần thông báo trước.
- b. Khóa hoặc chấm dứt sử dụng thẻ mà không cần thông báo trước nếu chủ thẻ vi phạm Hợp đồng này hoặc chủ thẻ bị nghi ngờ có hành vi vi phạm pháp luật, gian lận, giả mạo khi sử dụng thẻ.
- c. Cung cấp thông tin về thẻ, chủ thẻ, TK và giao dịch thẻ để phục vụ giải quyết tra soát, khiếu nại theo đúng quy định của liên minh thẻ, cơ quan có thẩm quyền và pháp luật.
- d. Từ chối và được miễn trách nhiệm nếu chủ thẻ yêu cầu tra soát về giao dịch quá thời hạn 30 ngày kể từ ngày giao dịch hoặc chủ thẻ thực hiện tra soát không hợp lệ.
- e. Được miễn trách nhiệm trong trường hợp hệ thống xử lý, truyền tin... bị trục trặc ngoài khả năng kiểm soát của NH và trong các trường hợp bất khả kháng, các trường hợp phát sinh không phải do lỗi của NH và theo quy định của pháp luật.

5.2 Trách nhiệm của Ngân hàng

- a. Tôn trọng các quyền của chủ thẻ.
- b. Hướng dẫn, thông báo cho chủ thẻ các quy định mới nhất của NH về việc sử dụng thẻ.
- c. Hỗ trợ khóa thẻ một cách nhanh nhất có thể khi nhận được thông báo của chủ thẻ về việc mất thẻ hoặc bị lộ số PIN.
- d. Giải quyết các yêu cầu trợ giúp và tra soát hợp lệ của chủ thẻ.
- e. Chịu trách nhiệm đối với những tổn thất tài chính xảy ra sau thời điểm NH xác nhận đã xử lý yêu cầu khóa thẻ của chủ thẻ.
- f. Chịu trách nhiệm bảo mật thông tin thẻ, bảo quản thẻ, giữ bí mật PIN của KH trước khi bàn giao thẻ cho KH.
- g. TCPHT có trách nhiệm thông báo bằng văn bản hoặc thông điệp dữ liệu có giá trị pháp lý về các trường hợp quy định tại mục a) Khoản 3.4 tại Điều 3 cho TCTTT và TCTTT có trách nhiệm thông báo cho ĐVCNT từ chối thanh toán thẻ bao gồm các trường hợp tại mục a) và d) Khoản 3.4 Điều 3.
- h. Các thông báo về việc thẻ bị từ chối thanh toán có hiệu lực kể từ thời điểm bên liên quan đến hoạt động thanh toán thẻ nhận được thông báo bằng văn bản hoặc bằng thông điệp dữ liệu có giá trị pháp lý. Sau khi bên liên quan đã nhận thông báo mà vẫn không từ chối thanh toán thẻ và để xảy ra các trường hợp thẻ bị lợi dụng thì bên liên quan đó phải chịu hoàn toàn thiệt hại, trừ trường hợp các bên liên quan có thỏa thuận khác.

ĐIỀU 6: GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP

- 6.1 Hợp đồng này được điều chỉnh theo pháp luật Việt Nam. Trong quá trình thực hiện, nếu có tranh chấp phát sinh thì trước hết hai bên cùng nhau giải quyết thông qua thương lượng, hòa giải trên tinh thần hợp tác.
- 6.2 Trường hợp thương lượng, hòa giải không thành thì các bên có quyền yêu cầu Tòa án có thẩm quyền tại địa phương nơi chủ thẻ mở thẻ để giải quyết.

ĐIỀU 7: ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

- 7.1 Chủ thẻ xác nhận đã đọc, được giải thích, hiểu rõ và cam kết thực hiện các nội dung của thỏa thuận này cũng như các quy định của NH về việc mở, sử dụng và thanh toán thẻ ghi nợ.
- 7.2 Quy định này có hiệu lực kể từ ngày KH và NH ký xác nhận Đề nghị kiêm thỏa thuận mở tài khoản và dịch vụ tài khoản cho đến khi các bên có thỏa thuận khác về việc chấm dứt sử dụng dịch vụ.
- 7.3 Trong trường hợp có sự thay đổi về phí dịch vụ và/hoặc bất kỳ quy định nào về quản lý và sử dụng thẻ ghi nợ, NH sẽ thông báo công khai trên website của NH, các phương tiện thông tin đại chúng hoặc niêm yết công khai tại địa chỉ giao dịch của NH. Trường hợp KH vẫn tiếp tục thực hiện các giao dịch tại NH sau thời gian NH thông báo thì mặc nhiên được coi là KH đồng ý về việc thay đổi phí dịch vụ và/hoặc các quy định về mở, sử dụng và thanh toán thẻ ghi nợ.
- 7.4 Các sửa đổi, bổ sung đó là một phần không tách rời của Thỏa thuận về mở, sử dụng và thanh toán thẻ ghi nợ này. Các bên có trách nhiệm tuân theo các sửa đổi và bổ sung đó. Tất cả các thay đổi này được xem như KH đã nhận vào ngày công bố trên website của NH hoặc NH thực hiện thông báo theo các hình thức khác tại Quy định này, tùy theo điều kiện nào đến trước.

